TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày 03/5/2024
Vv:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Tâm và ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao - tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Linh – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLST-KDTM ngày 01/02/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST - KDTM ngày 24/4/2024 giữa:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1

Địa chỉ: Số H, L, phường L, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý

Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại:

- Ông Đỗ Ngọc L – cán bộ xử lý nợ trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý

- Bà Nguyễn Thị T – Cán bộ xử lý nợ trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, Tòa nhà V, G D, quận C, thành phố Hà Nội (ông L, bà T có mặt)

+ Bị đơn: Công ty cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở: Khu làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, xã S, huyện

L, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T1 – Chức vụ: Giám đốc công ty (vắng mặt)

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên hệ: Tổ A, Khu H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ Bà Dương Thị Thanh T2, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đỗ Ngọc L - trình bày:**

Ngày 27/6/2022, Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là công ty X) ký hợp đồng cho vay hạn mức số 2406222-2255091-01-SME, theo nội dung hợp đồng, Công ty X vay của Ngân hàng với hạn mức cho vay số tiền là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động sản xuất bao bì Plastic và kinh doanh hạt nhựa. Thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng.

Quá trình giải ngân, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty X vay tổng số tiền là 2.999.000.000đ (Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn), cụ thể:

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-10 ngày 07/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 499.000.000đ.

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-11 ngày 23/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 876.000.000đ

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-12 ngày 26/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 1.000.000.000đ

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-13 ngày 27/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 624.000.000đ

Kể từ ngày 07/6/2023 đến ngày 20/6/2023 cho đến nay, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức. Các khế ước nhận nợ trên đã chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng đã đôn đốc việc trả nợ nhiều lần nhưng Công ty X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Tính đến hết ngày 03/5/2024, công ty X còn nợ ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền nợ là 3.937.918.126đ, trong đó: Nợ gốc là 2.998.936.109đ; Nợ lãi là 885.719.665đ; Lãi phạt chậm trả 53.626.352đ.

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng TMCP V1 đã ký hợp đồng bảo lãnh với ông Phạm Quốc T1 và bà Dương Thị Thanh T2, cụ thể:

- Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa người bảo lãnh là ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A, phố L (nay là khu H), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP V1.

- Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa người bảo lãnh là bà Dương Thị Thanh T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP V1

Theo nội dung 02 hợp đồng bảo lãnh trên, ông T1 và bà T2 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là công ty X trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng trong đó có hợp đồng cho vay hạn mức số 2406222-2255091-01-SME, ký giữa công ty X và ngân hàng B cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Nay ngân hàng đề nghị Công ty X phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ trên và lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi trả nợ xong.

Trong trường hợp Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc bên bảo lãnh là ông Phạm Quốc T1 và bà Dương Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty X toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan đến các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Đề nghị Tòa án buộc bên có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày công ty X thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty X, ông T1, bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sử dụng của Công ty X, ông T1, bà T2 để thu hồi khoản nợ vay.

*** Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Quốc T1 đại diện theo pháp luật cho bị đơn Công ty cổ phần X đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Ngày 27/6/2022, Công ty X có ký hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng V1 để vay số tiền 3.000.000.000đ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã được Ngân hàng giải ngân số tiền là 2.999.000.000đ. Quá trình sử dụng vốn, do doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đến nay công ty còn nợ ngân hàng tổng số tiền như ngân hàng đã đề nghị.

Khi vay vốn, ông T1 và bà T2 đã kí hợp đồng bảo lãnh với nội dung đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là công ty X trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng trong đó có hợp đồng cho vay hạn mức số 2406222-2255091-01-SME, ký giữa công ty X và ngân hàng B cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ, Công ty X nhất trí trả nợ nhưng đề nghị ngân hàng giãn thời gian trả nợ và miễn giảm khoản lãi để doanh nghiệp có điều kiện hoạt động.

Về hợp đồng bảo lãnh, ông T1 nhất trí không có ý kiến gì.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Dương Thị Thanh T2 trình bày:**

Từ thời điểm ngày 20/12/2019, bà T2 là cổ đông của công ty Cổ phần X. Theo lời cán bộ V2 để công ty được vay vốn thì cổ đông là bà phải ký hợp đồng bảo lãnh cho công ty trong trường hợp công ty không trả được nợ.

Bà T2 đã ký hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản cá nhân nhưng không cụ thể là tài sản gì để cho công ty vay vốn phục vụ hoạt động sản kinh doanh. Sau khi vay vốn, công ty G không trả được nợ nên ngân hàng đã khởi kiện công ty. Bà đề nghị Công ty dùng toàn bộ tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. Bà đề nghị Tòa án xem xét hiệu lực của Hợp đồng bảo lãnh và xử lý theo quy định của Pháp luật

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về trình tự tố tụng và quan điểm về nội dung giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật. Ông T1 (đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) không có mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 274; Điều 335, 336, 338, 339, 340, 342; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền nợ như bản kê xác nhận số dư khoản vay đã xuất trình tại Tòa án với số tiền là 3.937.918.126đ, trong đó: Nợ gốc là 2.998.936.109đ; Nợ lãi là 885.719.665đ (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn); Lãi phạt chậm trả 53.626.352đ.

- Duy trì hợp đồng bảo lãnh tài sản các bên đã ký kết để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Công ty X phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện Công ty X yêu cầu trả nợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Các bên tham gia tố tụng đều là tổ chức hoạt động kinh doanh, công ty X ký hợp đồng vay vốn của ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Công ty X có trụ sở tại xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

[1.3] Thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Ông Phạm Quốc T1 (đại diện theo ủy quyền của bị đơn) vắng mặt lần thứ hai không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà Dương Thị Thanh T2 (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); HĐXX căn cứ Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 đề nghị Công ty X có nghĩa vụ phải trả khoản nợ vay với số tiền là 3.937.918.126đ (số liệu nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/5/2024), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 27/6/2022, Công ty X đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số 240622-2255091-01-SME vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1:

- Giá trị hạn mức được cấp là **3.000.000.000 VNĐ (ba tỷ đồng)**
- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng
- Thời gian vay/khế ước là: tối đa 06 tháng
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động sản xuất bao bì từ plastic và kinh doanh hạt nhựa.

Quá trình giải ngân, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty X vay tổng số tiền là 2.999.000.000đ (Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn), cụ thể:

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-10 ngày 07/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 499.000.000đ

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-11 ngày 23/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 876.000.000đ

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-12 ngày 26/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 1.000.000.000đ

- Tại khế ước nhận nợ số 211222-2255091-ONL-13 ngày 27/12/2022: ngân hàng giải ngân cho công ty X số tiền là 624.000.000đ

Kể từ ngày 07/6/2023 cho đến nay, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thời hạn đã thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản đôn đốc việc trả nợ nhưng công ty X không thực hiện.

Tính đến hết ngày 03/5/2024, công ty X đã trả nợ cho ngân hàng số tiền 63.891đ tiền nợ gốc; còn nợ ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền nợ là 3.917.918.126đ, trong đó:

Nợ gốc là 2.998.936.109đ; Nợ lãi là 885.719.665đ (bao gồm nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn); lãi phạt chậm trả là 53.262.352đ.

Tại các bản tự khai đã thể hiện, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về số nợ gốc mà công ty X còn nợ Ngân hàng. Đối với các khoản tiền nợ lãi mà ngân hàng đề nghị tính đến ngày xét xử sơ thẩm được tính trên cơ sở lãi suất do hai bên thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty X đề nghị ngân hàng giãn thời gian trả nợ và miễn giảm khoản lãi nhưng không được ngân hàng chấp nhận. Vì vậy, buộc công ty X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng bao gồm cả tiền gốc và các khoản lãi phát sinh tính đến ngày 03/5/2024 với số tiền 3.917.918.126đ là phù hợp.

[2.2]. Về hợp đồng bảo lãnh: Toàn bộ khoản vay của bị đơn được bảo đảm bằng bảo lãnh của ông Phạm Quốc T1 và bà Dương Thị Thanh T2 tại các hợp đồng bảo lãnh

- Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa người bảo lãnh là ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A, phố L (nay là khu H), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP V1.

- Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa người bảo lãnh là bà Dương Thị Thanh T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP V1.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đề nghị ông Phạm Quốc T1 và bà Dương Thị Thanh T2 thực hiện đúng

các nghĩa vụ đã thỏa thuận tại các hợp đồng bảo lãnh trên; Bà T2 đề nghị Công ty phải sử dụng tài sản của công ty để thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đề nghị Tòa án xem xét hiệu lực của hợp đồng.

Xét các hợp đồng bảo lãnh trên thấy rằng:

- Về hiệu lực của Hợp đồng bảo lãnh: Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng, chủ thể tham gia kí kết hợp đồng đều có năng lực trách nhiệm dân sự, đều tự nguyện tham gia kí kết hợp đồng, không bị ép buộc; Bởi vậy, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày giao kết.

- Về nội dung của hợp đồng: Tại các hợp đồng bảo lãnh, các bên đã có thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng trong đó có hợp đồng cho vay hạn mức số 240622-2255091-01-SME ngày 27/6/2022. Kể từ thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh cho đến nay, ông T1, bà T2 không có bất cứ văn bản nào gửi cho bên nhận bảo lãnh (ngân hàng) để yêu cầu chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh của mình đối với công ty X và phía Ngân hàng cũng không có văn bản hủy bỏ nghĩa vụ bảo lãnh của ông T1, bà T2. Mặt khác, sau khi ký Hợp đồng bảo lãnh, bên được bảo lãnh là công ty X cũng không ký hợp đồng bảo đảm nào khác để thay thế cho biện pháp bảo lãnh của ông T1, bà T2. Căn cứ Điều 335, 336, 338, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự và thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh thì việc bảo lãnh của ông Phạm Quốc T1 và bà Dương Thị Thanh T2 sẽ phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh khi công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình. Do vậy, cần duy trì các hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa ông Phạm Quốc T1, bà Dương Thị Thanh T2 với Ngân hàng TMCP V1 để đảm bảo thi hành án là phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán nợ được chấp nhận, Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 74; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 274; Điều 335, 336, 338, 339, 340, 342; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Điểm b Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]. Xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 về việc yêu cầu Công ty cổ phần X phải có nghĩa vụ trả nợ khoản vay

[2.2]. Buộc Công ty cổ phần X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền nợ gốc còn nợ và các khoản tiền lãi phát sinh của hợp đồng cho vay hạn mức số 240622-2255091-01-SME ngày 27/6/2022 giữa Ngân hàng và công ty X tính đến ngày 03/5/2024 là: 3.917.918.126đ (Ba tỷ chín trăm mười bẩy triệu chín trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi sáu đồng chẵn). (Trong đó nợ gốc là 2.998.936.109đ (Hai tỷ chín trăm chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn một trăm linh chín đồng); Nợ lãi là 885.719.665đ (T3 trăm tám mươi lăm triệu bẩy trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng chẵn), lãi phạt chậm trả là 53.262.352đ (năm mươi ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm năm mươi hai đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 240622-2255091-01-SME ngày 27/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất bên cho vay.

[2.3] Trường hợp công ty cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 thì ông Phạm Quốc T1 và bà Dương Thị Thanh T2 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trả nợ thay) cho Công ty cổ phần X (bao gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài sản chính khác) theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa ông Phạm Quốc T1 và Ngân hàng TMCP V1; Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa bà Dương Thị Thanh T2 và Ngân hàng TMCP V1.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm thi hành án gồm:

- Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa người bảo lãnh là ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A, phố L (nay là khu H), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP V1.

- Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/2255091 ngày 27/6/2022 giữa người bảo lãnh là bà Dương Thị Thanh T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP V1.

[3]. Về án phí: Công ty cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 110.358.362đ (Một trăm mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng chẵn)

Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí; Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.780.000đ (Bốn mươi chín triệu bẩy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) theo biên lai tạm thu án phí số 0001592 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn (Công ty cổ phần X), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông T1, bà T2) vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Lưu HS
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan